

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày 8-6-2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lục Văn Văn.

2. Bà: Vũ Thị Hòa.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Thế Trung-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh-Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1986.

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Cán bộ.

ĐKKHKT: Tổ 7, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Căn hộ 1518, chung cư H, phường Ph, quận N, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lưu Văn T, sinh năm 1984.

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Tự do.

ĐKKHKT: Số nhà 003, ngõ Ng, tổ 7, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26 tháng 12 năm 2019, bản tự khai của chị Dương Thị L và bản tự khai của anh Lưu Văn T trình bày nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Lưu Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 5 năm 2009, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Chị L xác định sau khi kết hôn cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Thời gian từ tháng 4 năm 2015 đến nay, vợ chồng không sống chung, không ai quan tâm trách nhiệm đến ai, cuộc sống chung vợ chồng không có tình cảm hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lưu Văn T. Anh T xác định vợ chồng mâu thuẫn không lớn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị L nên không nhất trí ly hôn, nếu chị L kiên quyết xin ly hôn thì anh không nhất trí giao con cho chị L nuôi dưỡng.

Về quan hệ con chung: Anh T, chị L đều xác định có 02 con chung, cháu Lưu Dương Nhật L1, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2009 và cháu Lưu Dương Nhật M, sinh ngày 6 tháng 02 năm 2018. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Lưu Dương Nhật L1 và cháu Lưu Dương Nhật M đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu ly hôn, anh đề nghị được quyền nuôi các con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ đúng quy định pháp luật; Nguyên đơn đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị L như sau: Tuyên xử chị Dương Thị L được ly hôn với anh Lưu Văn T. Giao các cháu Lưu Dương Nhật L1 và cháu Lưu Dương Nhật M cho chị Dương Thị L quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Lưu Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng: Anh Lưu Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đều vắng mặt, chị Dương Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lưu Văn T, chị Dương Thị L theo quy định khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Văn T và chị Dương Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 11 năm 2009, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến xảy ra cãi nhau. Anh, chị đều thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng mâu thuẫn và không sống chung từ tháng 4 năm 2015 đến nay. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng mâu thuẫn kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị L là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung và quyền trực tiếp nuôi con: Anh chị xác định có 02 con chung, cháu Lưu Dương Nhật L1, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2009 và cháu Lưu Dương Nhật M, sinh ngày 6 tháng 02 năm 2018. Hội đồng xét xử nhận định chị L nghề nghiệp, thu nhập hàng tháng ổn định có khả năng điều kiện, đảm bảo cuộc sống của bản thân, nuôi con chung, mặt khác cháu L1 đang sinh sống học tập ổn định cùng chị tại địa phương có điều kiện giáo dục học tập tốt và phù hợp nguyện vọng của cháu Lưu Dương Nhật L1 được ở với chị L. Do vậy, có căn cứ giao các con chung cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị L, anh Lưu Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc chị Dương Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L được ly hôn anh Lưu Văn T.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Lưu Dương Nhật L1, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2009 và cháu Lưu Dương Nhật M, sinh ngày 6 tháng 02 năm 2018 cho chị Dương Thị L quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lưu Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Buộc chị Dương Thị L phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị Nguyễn Thị Ch đã nộp thay cho chị Dương Thị L theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0006608 ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai. Xác nhận chị Dương Thị L đã nộp đủ số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, TP;
- Chi cục THADS TP;
- Dương sự;
- STP;
- UBND xã Đ,
- huyện Đ, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Hà